TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 943/2019/DS-ST
Ngày: 27/9/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Nguyễn Kiên Hiển

2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 450/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 180/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Lầu *, số 26*-26*, đường N, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Khánh C, là người đại diện hợp pháp theo Giấy ủy quyền số 1530/2019/UQ-TTT ngày 28/12/2018).

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T, Sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 322/23, đường D, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Ma Khánh C là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Ngày 09 tháng 08 năm 2016, ông Nguyễn Xuân T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân

hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng quốc tế Motor Card với hạn mức sử dụng là: 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2.5%/tháng. Lãi suất này được áp dụng từ ngày 09/08/2016 đến nay không thay đổi (đính kèm các biểu phí liên quan).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Thụy đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.577.957 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.962.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sbank. Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau: Phí trễ hạn là 630.360 đồng, phí vượt hạn mức là 250.000 đồng, phí thường niên và phí thông báo giao dịch là 329.000 đồng, lãi trong hạn là 2.059.719 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 10.885.036 đồng. Ông T sử dụng thẻ từ tháng 08/2016 đến tháng 05/2017 và có thanh toán đều cho Sbank nhưng đến tháng 06/2017 thì ngưng thanh toán. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/06/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 10.885.036 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/06/2017 đến 12/8/2019 là 10.939.224 đồng.

Sbank chỉ yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Sbank mà không yêu cầu vợ ông T phải có trách nhiệm cùng thanh toán. Tạm tính đến ngày ngày 13/08/2019, Ông T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc : 10.885.036 đồng

Lãi quá hạn : 10.939.224 đồng

Lãi suất quá hạn: 3.75%/tháng (2.5% x 150%)

Tổng cộng : 21.824.260 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi đồng)*

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T, yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/08/2019 là: 21.824.260 đồng *(Bằng chữ:Hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi đồng)* trong đó:

Nợ gốc : 10.885.036 đồng

Nợ Lãi quá hạn : 10.939.224 đồng

Ngoài ra ông Nguyễn Xuân T còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Ma Khánh C là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Xuân T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Sbank Visa theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" được Sbank phê duyệt ngày 09/8/2016, nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Theo kết quả xác minh của Công an Phường X, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: "Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú tại số 322/23, đường D, Phường X, Quận 3. Hiện bỏ đi đâu không rõ từ năm 2015 đến nay…"

Căn cứ kết quả xác minh trên cho thấy trước khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của bị đơn được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 26/9/2019, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Ma Khánh C là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền xác định: Trước khi khởi kiện ông Nguyễn Xuân T, Sbank

đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua tin nhắn điện thoại 0909057991 mà ông T cung cấp cho Sacombank đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông T đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; đồng thời Sbank cũng thông báo cho ông T biết việc Sbank sẽ khởi kiện ông (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện) thế nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, Sbank vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018, yêu cầu Tòa buộc ông T phải trả cho Sbank số tiền tạm tính đến ngày 27/9/2019 là 22.436.530 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng)* trong đó: Nợ gốc là 10.885.036 đồng; Nợ Lãi quá hạn là 11.551.494 đồng**.** Ngoài ra, ông T còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Xuân T.

[3] Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được Sbank phê duyệt ngày 09/8/2016 thì giữa chủ thẻ chính là ông Nguyễn Xuân T và bên phát hành thẻ là Sbank có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Motor Card với hạn mức sử dụng là: 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2.5%/tháng.

Theo các Bảng tóm tắt sao kê do Sbank và Sao kê chi tiết giao dịch của ông Nguyễn Xuân T có số chứng minh nhân dân 025494714 do Sbank cung cấp thì ông T kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ để thực hiện việc rút tiền mặt vào ngày 31/8/2016 cho đến ngày 31/5/2017và có thanh toán đều cho Sbank nhưng đến tháng 06/2017 thì ngưng thanh toán. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) cũng như không có thiện chí trả nợ, ngày 01/06/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong tháng là vào ngày 20 hàng tháng. Thời gian từ ngày 31/8/2016 đến 31/5/2017, số tiền giao dịch mà ông T đã sử dụng thẻ để rút tiền mặt là 10.577.957 đồng (số tiền gốc). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Thụy đã thanh toán cho Sbank số tiền 2.962.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sbank. Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Số tiền thanh toán được thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn là 630.360 đồng, phí vượt hạn mức là 250.000 đồng, phí

thường niên và phí thông báo giao dịch là 329.000 đồng, lãi trong hạn là 2.059.719 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 10.885.036 đồng. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 10.885.036 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/06/2017 đến 27/09/2019 là 11.551.494 đồng, với lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng = 2.5% x150%, căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng S về việc thay đổi mức lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sbank mức lãi suất mới được áp dụng là 2.5%/tháng. Tổng cộng ông T còn nợ Sbank số tiền 22.436.530 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;…"

Theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Sbank:

+ Tại mục Phương thức thanh toán, cụ thể là:

- Tại Điều 18 quy định: "Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo …";

- Tại Điều 19 quy định về Số tiền thanh toán như sau: "Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ…"

- Tại Điều 20 quy định về Áp dụng thanh toán như sau: "Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ."

- Tại Điều 22 quy định về Cách tính lãi như sau: "Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau:

a) …

b) Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút.

Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Điều 20.

Đơn vị Phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ."

- Tại Điều 23 quy định về Vi phạm như sau:

"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem

như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ…

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ …"

+ Tại mục Các loại phí, cụ thể là:

- Tại Điều 24 quy định về Các loại phí như sau: "Bên cạnh lãi suất, Chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí sau đây:

a) Phí hàng năm và phí phát hành thẻ phụ: Được thu mỗi năm một lần.

b) Phí rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ rút tiền mặt.

c) Phí giao dịch tương đương rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch tương đương rút tiền mặt.

…

f) Phí vượt quá hạn mức: Được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp.

g) Phí chậm thanh toán: Được thu nếu Chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn…"

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau:

"Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19 quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi…

Sbank đã thực hiện việc thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua tin nhắn điện thoại 0909057991 mà ông T cung cấp cho Sbank đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông T đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trước khi Sbank thực hiện việc khởi kiện ông T tại Tòa cũng như thông báo cho ông T biết việc Sbank khởi kiện ông (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện). Thế nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của Sbank yêu cầu Tòa buộc ông Nguyễn Xuân T phải trả cho Sacombank số tiền là 22.436.530 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng)* đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền

gốc nợ gốc : 10.885.036 đồng; nợ Lãi quá hạn : 11.551.494 đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3 trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài gòn Thương tín là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91,95 Luật các tổ chức tìn dụng

- Áp dụng Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc ông Nguyễn Xuân T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 22.436.530 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi đồng) làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 10.885.036 đồng; nợ Lãi quá hạn : 11.551.494 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Xuân T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng được Sbank phê duyệt ngày 09/8/2016 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 1.121.827 (Một triệu một trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm hai mươi bày đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 422.132 (Bốn trăm hai mươi hai ngàn một trăm ba mươi hai đồng) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014130 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hoa